

Số: /KH-UBND

Vĩnh Lại, ngày tháng 9 năm 2025

KẾ HOẠCH

Thực hiện Nghị quyết 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia và Nghị quyết số 71-NQ/CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ trên địa bàn xã Vĩnh Lại

Căn cứ Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia và Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW; Nghị quyết số 193/2025/QH15 của Quốc hội: Về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

Thực hiện Kế hoạch hành động số 12-KH/TU ngày 26/8/2025 của Ban Thường vụ Thành ủy về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Kế hoạch số 238/KH-UBND ngày 13/9/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố về thực hiện Kế hoạch hành động số 12-KH/TU, ngày 26/8/2025 của Ban Thường vụ Thành ủy về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Lại xây dựng Kế hoạch thực hiện với các nội dung cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Quán triệt, triển khai thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ, giải pháp đã đề ra trong Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia (Nghị quyết số 57-NQ/TW) và Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW (Nghị quyết số 71/NQ-CP);

- Xác định rõ trách nhiệm, với tinh thần quyết tâm cao, nỗ lực lớn; lãnh đạo, chỉ đạo cụ thể, thường xuyên, phân công rõ người, rõ việc, rõ thời gian, rõ chất lượng và hiệu quả phân công nhiệm vụ cụ thể cho các cơ quan, đơn vị trên địa bàn xã; tổ chức triển khai, đánh giá việc thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW và Nghị quyết số 71/NQ-CP nhằm tiếp tục phát triển mạnh mẽ khoa học, công nghệ, đổi

mới sáng tạo và chuyển đổi số; đảm bảo gắn kết với các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của xã.

2. Yêu cầu

- Tổ chức triển khai đồng bộ và thống nhất các nhiệm vụ của xã. Yêu cầu các cơ quan chuyên môn, đơn vị thuộc xã triển khai thực hiện với lộ trình, thời gian và phân công trách nhiệm cụ thể; thường xuyên tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện. Định kỳ hàng năm tổ chức đánh giá kết quả để kịp thời điều chỉnh, bổ sung các giải pháp phù hợp với điều kiện thực tế của từng đơn vị. Tăng cường sự phối hợp liên ngành, giữa các ngành với các các quan, đơn vị.

- Tăng cường sự phối hợp các cơ quan, đơn vị; triển khai đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp.

- Tập trung thực hiện hoàn thành các mục tiêu đề ra của Kế hoạch thông qua việc hoàn thiện đồng bộ chính sách để thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Ưu tiên đầu tư, hoàn thiện hạ tầng cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thông qua đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số. Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới toàn diện trong hoạt động của các cơ quan trong hệ thống chính trị, đồng thời tích cực hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số để phát triển kinh tế số. Tăng cường nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ, mở rộng hợp tác trong nước và quốc tế về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

II. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU

1. Mục tiêu chung

Xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số hiện đại, minh bạch, hiệu quả, đưa hoạt động quản lý, chỉ đạo, điều hành của các cơ quan, đơn vị lên môi trường số, dựa trên dữ liệu.

Hoàn thiện chính quyền số, nâng cao hiệu quả quản trị và chất lượng phục vụ; cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, tiện ích số thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp, tạo đột phá trong cải cách hành chính, quản trị công và phát triển bền vững.

Phát triển xã hội số và hạ tầng số đồng bộ, hiện đại; tái cấu trúc, xây dựng hạ tầng số thống nhất, ổn định, linh hoạt, ưu tiên áp dụng công nghệ điện toán đám mây, trí tuệ nhân tạo, bảo đảm an toàn, an ninh thông tin, an ninh mạng và chủ quyền số, từng bước nâng cao chất lượng sống của người dân, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, phát huy tiềm lực sáng tạo của mọi tầng lớp xã hội, thúc đẩy liên kết vùng, hội nhập quốc tế về khoa học, công nghệ, đóng góp tích cực vào mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm

2030, tầm nhìn 2045.

Tăng cường chuyển đổi xanh gắn với chuyển đổi số, kết hợp chuyển đổi số và chuyển đổi xanh để giảm thiểu phát thải carbon và bảo vệ môi trường; triển khai các giải pháp quản lý thông minh trong giao thông, năng lượng và quản lý tài nguyên.

2. Mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể

2.1. Các chỉ tiêu theo Nghị quyết 71/NQ-CP

Nhằm thực hiện hiệu quả, đạt được mục tiêu chung trong tổ chức thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP Ủy ban nhân dân xã phân công việc theo dõi đánh giá các chỉ tiêu cụ thể cho các cơ quan, đơn vị *Chi tiết tại Phụ lục 1* kèm theo Kế hoạch này

2.2. Các chỉ tiêu đánh giá theo giai đoạn 5 năm

Nhằm thực hiện hiệu quả, đạt được mục tiêu chung trong tổ chức thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, Ủy ban nhân dân xã xác định các mục tiêu cụ thể để tổ chức triển khai thực hiện theo 5 giai đoạn (đến hết năm 2025; đến hết năm 2030; đến hết năm 2035; đến hết năm 2040; đến hết năm 2045); tập trung thực hiện các mục tiêu về: (1) Phát triển hạ tầng; (2) Phát triển nguồn lực; (3) Phát triển chuyển đổi số (*Chi tiết tại Phụ lục 2*).

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Nâng cao nhận thức, đổi mới tư duy, xác định quyết tâm chính trị mạnh mẽ, quyết liệt lãnh đạo, chỉ đạo, tạo xung lực mới, khí thế mới về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

1.1. Xây dựng, ban hành và tổ chức triển khai chương trình tuyên truyền thường xuyên, sâu rộng về nội dung Nghị quyết của Bộ Chính trị, Chính phủ và Kế hoạch hành động của Thành ủy theo hướng: đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền thông qua báo chí, phát thanh, truyền hình, các nền tảng số, mạng xã hội và các phương tiện điện tử khác.

1.2. Xây dựng Kế hoạch thực hiện Nghị quyết của Bộ Chính trị, Chính phủ và Kế hoạch hành động các cấp theo hướng “rõ người, rõ việc, rõ thời gian, rõ trách nhiệm, rõ kết quả”; Xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong chương trình, kế hoạch công tác hằng năm của cơ quan, đơn vị; Định kỳ đánh giá, công bố mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị, người đứng đầu và cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan, đơn vị; kết quả thực hiện là tiêu chí đánh giá hiệu quả thực hiện nhiệm vụ, đánh giá thi đua, khen thưởng hằng năm.

1.3. Người đứng đầu các cơ quan, đơn vị trực tiếp phụ trách, chỉ đạo triển khai nhiệm vụ phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

của cơ quan, tổ chức; giao trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức trong việc thực hiện kế hoạch về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số hằng năm.

1.4. Rà soát tiêu chuẩn chức danh công chức, lãnh đạo quản lý trong cơ quan hành chính nhà nước, phân đầu bố trí tỷ lệ phù hợp cán bộ có chuyên môn, kinh nghiệm về khoa học, kỹ thuật trong đội ngũ lãnh đạo từng cơ quan, đơn vị; Đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ, công chức, viên chức kiến thức về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, kỹ năng số, công nghệ số cơ bản phục vụ chuyển đổi số; Xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch phát động phong trào học tập trên các nền tảng số để trở thành phong trào “học tập số” thường xuyên, liên tục, phổ cập, nâng cao kiến thức về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, kỹ năng số, công nghệ số cơ bản trong cán bộ, công chức và Nhân dân.

1.5. Phát động phong trào thi đua trong toàn xã để phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, sự tham gia tích cực của cộng đồng doanh nghiệp, doanh nhân và Nhân dân trên địa bàn xã thực hiện thắng lợi Kế hoạch. Biểu dương, tôn vinh, khen thưởng khích lệ, động viên kịp thời bằng nhiều hình thức đa dạng cho các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có thành tích trong chuyển đổi số; trân trọng từng phát minh, sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, sáng kiến nâng cao hiệu quả công tác, hiệu suất công việc; Phát động phong trào phát minh, sáng chế, cải tiến kỹ thuật, sáng kiến nâng cao hiệu quả công tác, hiệu suất công việc trong mọi cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp.

1.6. Tăng cường kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện các mục tiêu, yêu cầu, nhiệm vụ đã đề ra tại Kế hoạch, các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước về đột phá phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; Công khai, minh bạch thông tin về các chương trình, chính sách hỗ trợ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tạo cơ chế tự chủ hơn cho tổ chức phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

2. Khẩn trương, quyết liệt hoàn thiện thể chế; xoá bỏ quan niệm, rào cản đang cản trở sự phát triển; đưa thể chế thành một lợi thế cạnh tranh trong phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

2.1. Rà soát, kiến nghị cấp có thẩm quyền tháo gỡ các điểm nghẽn, rào cản về thể chế, chính sách trong phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và nguồn nhân lực chất lượng cao, bảo đảm hành lang pháp lý cho hoạt động của mọi ngành, lĩnh vực trên môi trường số.

2.2. Đẩy mạnh tuyên truyền, khuyến khích các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp, hộ kinh doanh trên địa bàn tích cực ứng dụng khoa học – công nghệ và chuyển đổi số vào hoạt động sản xuất, kinh doanh.

2.3. Phối hợp đề xuất, triển khai các mô hình ứng dụng công nghệ, đổi mới sáng tạo phù hợp với điều kiện thực tiễn của xã.

2.4. Tổ chức thực hiện hiệu quả các chương trình, kế hoạch chuyển đổi số

và ứng dụng công nghệ do cấp trên ban hành, hướng tới mục tiêu phát triển đến năm 2030.

2.5. Rà soát, sắp xếp tổ chức bộ máy, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan, đơn vị để đảm bảo thống nhất, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về KHCN, ĐMST và CDS

2.6. Hoàn thành số hóa quy trình nghiệp vụ nội bộ, hồ sơ tài liệu, kết quả giải quyết thủ tục hành chính trong các lĩnh vực liên quan tới người dân, doanh nghiệp, hoạt động công vụ (đất đai, tư pháp, y tế, giáo dục, lao động việc làm,...); tái sử dụng 100% dữ liệu đã số hóa để cắt giảm tối đa thủ tục hành chính và chi phí tuân thủ cho người dân, doanh nghiệp.

2.7. Đẩy mạnh tái cấu trúc quy trình, cắt giảm, đơn giản hóa tối đa thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến, nhất là các thủ tục liên quan đến cư trú, hộ tịch, giấy phép lái xe, đất đai, doanh nghiệp; triển khai tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi thành phố.

3. Tăng cường đầu tư, hoàn thiện hạ tầng phục vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

3.1. Triển khai hiệu quả chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế số, xã hội số; Phát triển hạ tầng viễn thông, Internet đáp ứng yêu cầu dự phòng, kết nối, an toàn, bền vững, hệ thống truyền dẫn dữ liệu qua vệ tinh, mạng cáp quang băng thông rộng tốc độ cao, mạng thông tin di động 5G, 6G và các thế hệ tiếp theo phủ sóng toàn xã.

3.2. Khai thác, sử dụng hạ tầng tiện ích số và công nghệ số như dịch vụ cho chuyển đổi số, trọng tâm là các nền tảng số dùng chung cho nhiều lĩnh vực kinh tế - xã hội, phục vụ các hoạt động thiết yếu của xã hội trên môi trường số.

3.3. Khai thác hiệu quả các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu của bộ, ngành, các địa phương để phát triển kinh tế - xã hội; kết nối, khai thác, chia sẻ hiệu quả dữ liệu giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị; triển khai các sáng kiến mở dữ liệu để người dân, doanh nghiệp khai thác, tạo giá trị mới, đổi mới sáng tạo; Triển khai ứng dụng trí tuệ nhân tạo dựa trên dữ liệu lớn đối với một số ngành, lĩnh vực quan trọng theo hướng dẫn của thành phố.

3.4. Thực hiện nghiêm các quy định về an toàn thông tin mạng, an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân; Nghiên cứu, đánh giá và ưu tiên sử dụng giải pháp, sản phẩm an toàn thông tin “Make in Việt Nam”.

3.5. Triển khai các ứng dụng sản phẩm, dịch vụ dữ liệu, bảo đảm an ninh dữ liệu, bảo vệ dữ liệu cá nhân; Triển khai ứng dụng các giải pháp tăng cường an ninh dữ liệu. Khuyến khích phát triển các sản phẩm bảo mật, an ninh dữ liệu.

3.6. Đảm bảo an ninh, an toàn, bảo mật ở các cơ quan, đơn vị, thường xuyên kiểm tra, giám sát đảm bảo an ninh, an toàn tuyệt đối các hệ thống thông tin; Tăng

cường năng lực giám sát, cảnh báo sớm, ứng cứu sự cố an ninh mạng; Xây dựng kế hoạch, đảm bảo nguồn lực ứng cứu sự cố.

3.7. Xem xét cân đối, bố trí nguồn lực trong khả năng ngân sách xã để phục vụ hoạt động chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin và đổi mới sáng tạo tại địa phương.

3.8. Vận động, khuyến khích các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân tham gia xã hội hóa, hỗ trợ nguồn lực cho các hoạt động chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ và phát triển kinh tế số trên địa bàn.

3.9. Phối hợp với các đơn vị chuyên môn triển khai nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin tại Trung tâm phục vụ hành chính công, các cơ quan hành chính xã; đảm bảo điều kiện phục vụ Đề án 06/CP và các nhiệm vụ số hóa dữ liệu, cung cấp dịch vụ công trực tuyến.

3.10. Tăng cường kết nối Internet ổn định tại các địa điểm công cộng như UBND xã, nhà văn hóa, trường học; hỗ trợ người dân tiếp cận thông tin và dịch vụ số.

3.11. Phối hợp đảm bảo an toàn thông tin trong quản lý dữ liệu nội bộ; nâng cao nhận thức và kỹ năng cơ bản cho cán bộ, công chức, người dân trong sử dụng dịch vụ số và phòng chống rủi ro trên không gian mạng.

4. Phát triển, trọng dụng nhân lực chất lượng cao, nhân tài đáp ứng yêu cầu phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

4.1. Đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao nhận thức về vai trò của đội ngũ trí thức, nhân lực chất lượng cao đối với sự phát triển kinh tế – xã hội và chuyển đổi số của địa phương.

4.2. Khuyến khích các tổ chức, đoàn thể, trường học tổ chức các hoạt động giáo dục sáng tạo, cuộc thi khởi nghiệp, ý tưởng sáng tạo trong học sinh, đoàn viên, thanh niên.

4.3. Tạo điều kiện để cán bộ, công chức xã tham gia các chương trình đào tạo, nâng cao năng lực ứng dụng công nghệ thông tin, quản lý dữ liệu, phục vụ hiệu quả công tác chuyển đổi số.

4.4. Vận động người dân, hộ kinh doanh tham gia các nền tảng học trực tuyến, các chương trình đào tạo phổ cập kỹ năng số do cơ quan cấp trên hoặc tổ chức xã hội triển khai.

4.5. Đầu tư, đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo; thực hiện đồng bộ các giải pháp tăng cường giáo dục và hướng nghiệp, định hướng cho học sinh, học viên giỏi theo học các lĩnh vực toán học, vật lý, sinh học, hóa học, kỹ thuật và công nghệ then chốt; triển khai các chính sách phát hiện và bồi dưỡng tài năng trên các lĩnh vực.

4.6. Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ, công chức, viên chức kiến

thức về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, kỹ năng số, công nghệ số; Tích hợp, lồng ghép nội dung CDS, đổi mới sáng tạo trong chương trình đào tạo chính quy, bồi dưỡng; Phát động phong trào “học tập số”, Chương trình “Bình dân học vụ số” nhằm mang lại cơ hội tiếp cận tri thức và nâng cao năng lực học tập cho người dân, đảm bảo tính phổ cập và hiệu quả.

5. Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo trong hoạt động của các cơ quan trong hệ thống chính trị; nâng cao hiệu quả quản trị, hiệu lực quản lý nhà nước trên các lĩnh vực, bảo đảm quốc phòng và an ninh

5.1. Triển khai hiệu quả chương trình, kế hoạch phát triển Chính phủ số; Phối hợp với các cơ quan, đơn vị để đảm bảo liên thông, đồng bộ, bí mật nhà nước trong hoạt động chuyển đổi số của cả hệ thống chính trị.

5.2. Tăng cường quản lý công, nâng cao hiệu lực quản trị, hiệu quả điều hành; thực hiện chỉ đạo, điều hành trực tuyến, dựa trên dữ liệu; nâng cao tương tác giữa chính quyền và người dân; giám sát trực tuyến và toàn diện, kịp thời cảnh báo, phát hiện sớm để phòng chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí

5.3. Nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình; cung cấp dịch vụ số mới được cá nhân hóa, dựa trên dữ liệu cho người dân và doanh nghiệp; Phát triển các nền tảng số đảm bảo an toàn, tiện ích cho người dân; phổ cập nhanh các dịch vụ số thiết yếu cho người dân. Triển khai giải pháp hỗ trợ, bảo vệ người dân trên không gian mạng ở mức cơ bản, tạo lập niềm tin số.

5.4. Đẩy mạnh chuyển đổi số trong lĩnh vực văn hóa để phát triển công nghiệp văn hóa. Xây dựng và phát triển các sản phẩm văn hóa số chất lượng cao. Thúc đẩy xây dựng các cơ sở dữ liệu về văn hóa, các di sản văn hóa số. Xử lý kịp thời các hiện tượng văn hóa số không lành mạnh, ảnh hưởng tới giá trị chung của xã hội, giảm thiểu các tác động tiêu cực mà công nghệ số mang lại tới môi trường, xã hội và người dân, đặc biệt là trẻ em, thanh thiếu niên và các đối tượng dễ bị tổn thương trên không gian mạng.

5.5. Triển khai các hệ thống và nền tảng số về giám sát và thu thập dữ liệu môi trường, quản lý tài nguyên, thiên nhiên, nguồn nước, chất thải; hệ thống thông tin địa lý; hệ thống giao thông thông minh theo hướng dẫn của thành phố

5.6. Tăng cường giám sát trên không gian mạng để kịp thời phát hiện, cảnh báo sớm các nguy cơ mất an toàn, an ninh mạng cho các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và người dân. Phát hiện, đấu tranh ngăn chặn sớm hoạt động tấn công mạng, gián điệp mạng, âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, phản động trên mạng và tội phạm mạng; Triển khai các biện pháp, nền tảng số để ngăn chặn, đấu tranh hiệu quả đối với tội phạm lĩnh vực chuyển đổi số, tội phạm lợi dụng không gian mạng. Chú trọng xây dựng, củng cố các lực lượng nòng cốt về an toàn, an ninh mạng.

5.7. Đảm bảo hoạt động chỉ đạo, điều hành và quản trị nội bộ của cơ quan

nhà nước được thực hiện trên nền tảng số quản trị tổng thể, thống nhất. Chuẩn hóa, điện tử hóa quy trình nghiệp vụ xử lý hồ sơ, biểu mẫu, chế độ báo cáo trên môi trường mạng, thực hiện số hóa hồ sơ, lưu trữ hồ sơ công việc điện tử của các cơ quan nhà nước. Rà soát hoàn thiện các quy trình, thủ tục hành chính phù hợp với hoạt động của chính quyền số, giảm thiểu hồ sơ giấy và giao dịch trực tiếp.

5.8. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số chuyên dùng (Phần mềm, phần cứng) phục vụ nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị, nâng cao hiệu quả quản trị, hiệu lực quản lý nhà nước.

5.9. Phối hợp triển khai mô hình “Chính quyền thân thiện, xanh - văn minh - hiện đại” gắn với cải cách hành chính, minh bạch, công khai trong phục vụ Nhân dân.

5.10. Đẩy mạnh chuyển đổi số trong các phòng, ban, ngành, đoàn thể, đơn vị bảo đảm thống nhất, kết nối liên thông và đồng bộ. Phát triển hạ tầng kết nối dùng chung các cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đơn vị thuộc xã.

6. Thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong doanh nghiệp

6.1. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp, hộ kinh doanh về vai trò của khoa học – công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong phát triển sản xuất, kinh doanh phù hợp với xu thế cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

6.2. Phối hợp với các sở, ban, ngành, các đơn vị liên quan tổ chức các hoạt động tư vấn, tập huấn, hướng dẫn doanh nghiệp và hộ kinh doanh trên địa bàn ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, phát triển thương mại điện tử nhằm thúc đẩy doanh nghiệp, nhất là các doanh nghiệp vừa và nhỏ, hộ kinh doanh, hợp tác xã chuyển đổi số, đổi mới quy trình, mô hình kinh doanh, thương mại hóa sản phẩm sáng tạo, tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ trên môi trường số để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, quản trị doanh nghiệp.

6.3. Thúc đẩy tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ trên môi trường số, bao gồm đưa sản phẩm lên môi trường số; trang bị kỹ năng số cho người dân, cung cấp các tiện ích để người dân giao dịch trên môi trường số, tạo lập niềm tin số.

6.4. Vận động, khuyến khích doanh nghiệp, hộ kinh doanh sử dụng phần mềm quản lý, thanh toán không dùng tiền mặt, tham gia các nền tảng bán hàng trực tuyến nhằm nâng cao năng suất và khả năng cạnh tranh.

6.5. Hỗ trợ kết nối doanh nghiệp, hộ kinh doanh với các sàn thương mại điện tử; vận động xây dựng các gian hàng trực tuyến giới thiệu và tiêu thụ sản phẩm đặc trưng của địa phương.

6.6. Tạo điều kiện để các doanh nghiệp, hộ kinh doanh tham gia các chương trình đào tạo, hội thảo về chuyển đổi số, thương mại điện tử do cấp trên hoặc các tổ chức chuyên môn tổ chức.

6.7. Phối hợp cung cấp thông tin về các chương trình, chính sách hỗ trợ

doanh nghiệp trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, chuyển đổi số do thành phố triển khai; giới thiệu, nhân rộng các mô hình sản xuất - kinh doanh ứng dụng công nghệ hiệu quả trên địa bàn.

7. Tăng cường phối hợp trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

7.1. Tăng cường liên kết, hợp tác với các địa phương trong và ngoài thành phố (chia sẻ kinh nghiệm, hợp tác đào tạo nhân lực, xây dựng hạ tầng, nền tảng số dùng chung...), phối hợp triển khai các dự án chung, đặc biệt về hạ tầng số, logistics, liên kết chuỗi giá trị, chia sẻ kinh nghiệm đổi mới sáng tạo; tổ chức học tập kinh nghiệm các đơn vị, địa phương có mô hình, giải pháp phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số phù hợp với thực tiễn và điều kiện chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội của xã.

7.2. Phối hợp với các đơn vị liên quan tuyên truyền, giới thiệu các chương trình, mô hình ứng dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật, chuyển đổi số phù hợp với thực tiễn địa phương.

7.3. Tạo điều kiện để các tổ chức, doanh nghiệp, hợp tác xã tham gia các hội nghị, hội thảo, diễn đàn, triển lãm giới thiệu thành tựu khoa học – công nghệ và chuyển đổi số do các cơ quan chuyên môn cấp trên tổ chức. Khuyến khích kết nối, chia sẻ kinh nghiệm trong ứng dụng công nghệ, đổi mới sáng tạo phục vụ sản xuất – kinh doanh.

7.4. Phối hợp cung cấp thông tin, giới thiệu tiềm năng, sản phẩm đặc thù của địa phương tới các tổ chức, doanh nghiệp có nhu cầu hợp tác, ứng dụng công nghệ, phát triển sản xuất, kinh doanh gắn với chuyển đổi số.

8. Tăng cường giám sát đánh giá

Phân công các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm chính trong việc giám sát từng phần nhiệm vụ. Tổ chức kiểm tra định kỳ, đột xuất để đánh giá tiến độ thực hiện các nhiệm vụ. Yêu cầu các đơn vị liên quan gửi báo cáo tiến độ để tổng hợp và phân tích. Công khai báo trên các phương tiện thông tin đại chúng để tăng cường tính minh bạch.

IV. PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ

Ủy ban nhân dân xã phân công nhiệm vụ cụ thể cho các cơ quan, đơn vị tại các Phụ lục kèm theo Kế hoạch này (*Chi tiết tại Phụ lục 3, Phụ lục 4*).

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Các cơ quan, đơn vị căn cứ đặc điểm, tình hình, chức năng, nhiệm vụ của ngành, đơn vị mình tổ chức quán triệt nội dung Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, Chương trình hành động số 89-CTr/TU ngày 25/02/2025 của Ban Thường vụ Thành uỷ về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW và Kế hoạch này; xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả

các nội dung nêu tại Kế hoạch.

Định kỳ hàng năm trước ngày 30/11 các cơ quan, đơn vị rà soát, báo cáo Ủy ban nhân dân xã (*qua Phòng Văn hóa - Xã hội*) kết quả triển khai thực hiện Kế hoạch.

3. Phòng Văn hóa - Xã hội xã chủ trì, phối hợp hướng dẫn việc tuyên truyền, quán triệt, kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện; định kỳ báo cáo tình hình, kết quả thực hiện về Ủy ban nhân dân xã để chỉ đạo kịp thời.

4. Phòng Kinh tế căn cứ khả năng cân đối ngân sách địa phương tham mưu UBND xã bố trí nguồn kinh phí thực hiện Kế hoạch này.

Ủy ban nhân dân xã yêu cầu các cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch này. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc báo cáo Ủy ban nhân dân xã (*qua Phòng Văn hóa - Xã hội để tổng hợp*) xem xét, chỉ đạo giải quyết./.

Nơi nhận:

- UBND thành phố;
- Sở Khoa học và Công nghệ;
- TT Đảng ủy, TT HĐND xã;
- Lãnh đạo UBND xã;
- Các phòng, ban, ngành, đơn vị;
- Lưu: VT, VHXH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Hương

PHỤ LỤC I: DANH MỤC CÁC CHỈ TIÊU CỤ THỂ

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kết quả	Cơ quan chủ trì tham mưu thực hiện	Cơ quan phối hợp thực hiện
I	Đến năm 2030				
1	Chỉ tiêu về thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công và chỉ đạo, điều hành, quản trị nội bộ trên môi trường điện tử				
1.1	Tỉ lệ sử dụng dịch vụ công trực tuyến của người dân và doanh nghiệp	%	≥ 80	Trung tâm phục vụ hành chính công	Các cơ quan chuyên môn, đơn vị liên quan.
1.2	Tỷ lệ cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện	%	90	Trung tâm phục vụ hành chính công	Các cơ quan chuyên môn, đơn vị liên quan.
1.3	Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính	%	100	Trung tâm phục vụ hành chính công	Các cơ quan chuyên môn, đơn vị liên quan.
1.4	Tỷ lệ cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử	%	100	Trung tâm phục vụ hành chính công	Các cơ quan chuyên môn, đơn vị liên quan.
1.5	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu đã được số hóa trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công	%	80	Trung tâm phục vụ hành chính công	Các cơ quan chuyên môn, đơn vị liên quan.
1.6	Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công	%	80	Trung tâm phục vụ hành chính công	Các cơ quan chuyên môn, đơn vị liên quan.
1.7	Tỷ lệ xử lý văn bản, hồ sơ công việc toàn trình trên môi trường điện tử của cơ quan, đơn vị	%	100%	Văn phòng HĐND và UBND	Các cơ quan chuyên môn, đơn vị liên quan.

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kết quả	Cơ quan chủ trì tham mưu thực hiện	Cơ quan phối hợp thực hiện
1.8	Tỷ lệ nhiệm vụ được theo dõi, quản lý, giám sát của các cơ quan hành chính thực hiện trên môi trường điện tử	%	100%	Văn phòng HĐND và UBND	Các cơ quan chuyên môn, đơn vị liên quan.
1.9	Tỷ lệ các cơ quan, đơn vị thực hiện chỉ đạo, điều hành, quản trị nội bộ trên môi trường điện tử	%	100%	Văn phòng HĐND và UBND	Các cơ quan chuyên môn, đơn vị liên quan.
2	Tỷ lệ giao dịch không dùng tiền mặt	%	≥ 85	Phòng Kinh tế	Các cơ quan chuyên môn, đơn vị liên quan.
3	Chi ngân sách hằng năm cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số	% tổng chi ngân sách nhà nước	Phấn đấu đạt 3%	Phòng Kinh tế	Các cơ quan chuyên môn, đơn vị liên quan.
4	Hạ tầng số		Tiên tiến, hiện đại, dung lượng siêu lớn, băng thông siêu rộng	Phòng Văn hóa - Xã hội	Sở Khoa học và Công nghệ; Các cơ quan chuyên môn, đơn vị liên quan.
4.1	Tỉ lệ người sử dụng có khả năng truy nhập băng rộng cố định với tốc độ trên 1Gb/s.	%	100	Phòng Văn hóa - Xã hội	Sở Khoa học và Công nghệ; Các cơ quan chuyên môn, đơn vị liên quan.
4.2	Phủ sóng 5G cho người dân	% dân số	100	Phòng Văn hóa - Xã hội	Sở Khoa học và Công nghệ; Các cơ quan chuyên môn, đơn vị liên quan.
5	Hoàn thành xây dựng đô thị thông minh (Nếu được thành phố lựa chọn xây dựng)		Đạt	Phòng Kinh tế	Sở Khoa học và Công nghệ; Các cơ quan chuyên môn, đơn vị liên quan.

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kết quả	Cơ quan chủ trì tham mưu thực hiện	Cơ quan phối hợp thực hiện
6	Quản lý nhà nước trên môi trường số, kết nối và vận hành thông suốt giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị	%	100	Văn phòng HĐND và UBND	Sở Khoa học và Công nghệ; Các cơ quan chuyên môn, đơn vị liên quan.
7	Hoàn thành xây dựng, thu thập dữ liệu phục vụ kết nối, chia sẻ đồng bộ cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu các ngành	%	100	Công an xã	Công an thành phố; Các cơ quan chuyên môn, đơn vị liên quan.
8	Dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch tại ngân hàng hoặc các tổ chức được phép khác	%	≥ 95	Phòng Kinh tế	Ngân hàng và các cơ quan, đơn vị liên quan
9	Tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân	%	≥ 70	Phòng Văn hóa - Xã hội	Sở Khoa học và Công nghệ; Các cơ quan chuyên môn, đơn vị liên quan.
10	Tỷ lệ người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử	%	≥ 95	Phòng Văn hóa - Xã hội	Sở Y tế; Các đơn vị liên quan
11	Các chỉ tiêu về giáo dục và đào tạo				
11.1	Mức độ chuyển đổi số đối với các cơ sở giáo dục, cơ quan quản lý giáo dục trên địa bàn xã đạt mức 2 trở lên	%	≥ 95 đối với cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên ≥ 95 đối với cơ sở giáo dục mầm non và các cơ quan quản lý giáo dục	Phòng Văn hóa - Xã hội	Sở Giáo dục và Đào tạo; Các trường học trên địa bàn xã
11.2	Cơ sở giáo dục triển khai ký số trên hệ thống sổ sách, sổ điểm	%	100	Phòng Văn hóa - Xã hội	Sở Giáo dục và Đào tạo; Các trường học trên địa bàn xã

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kết quả	Cơ quan chủ trì tham mưu thực hiện	Cơ quan phối hợp thực hiện
11.3	Cơ sở giáo dục phổ thông, thường xuyên triển khai chương trình giảng dạy về kỹ năng số cho học sinh (học viên) phù hợp với quy định của Bộ GD&ĐT quy định tại Thông tư số 02/2025/TT-BGDĐT ngày 24/01/2025 về Khung năng lực số cho người học	%	100	Phòng Văn hóa - Xã hội	Sở Giáo dục và Đào tạo; Các trường học trên địa bàn xã
11.4	Cơ sở giáo dục phổ thông thực hiện lồng ghép, tích hợp khởi nghiệp vào các môn học và hoạt động giáo dục	%	95	Phòng Văn hóa - Xã hội	Sở Giáo dục và Đào tạo; Các trường học trên địa bàn xã
11.5	Cơ sở giáo dục trung học cơ sở có tổ chức câu lạc bộ khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo hoạt động thường xuyên	%	95	Phòng Văn hóa - Xã hội	Sở Giáo dục và Đào tạo; Các trường học trên địa bàn xã
11.6	Cơ sở giáo dục phổ thông triển khai phương thức giáo dục tích hợp Khoa học, Kỹ thuật, Công nghệ, Toán học (STEM) và nghiên cứu khoa học	%	100	Phòng Văn hóa - Xã hội	Sở Giáo dục và Đào tạo; Các trường học trên địa bàn xã
II	Đến năm 2045				
12	Mức độ chuyển đổi số đối với các cơ sở giáo dục, cơ quan quản lý giáo dục trên địa bàn xã đạt mức 2 trở lên	%	100	Phòng Văn hóa - Xã hội	Sở Giáo dục và Đào tạo; Các trường học trên địa bàn xã
13	Cơ sở giáo dục phổ thông thực hiện lồng ghép, tích hợp khởi nghiệp vào các môn học và hoạt động giáo dục	%	100	Phòng Văn hóa - Xã hội	Sở Giáo dục và Đào tạo; Các trường học trên địa bàn xã

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kết quả	Cơ quan chủ trì tham mưu thực hiện	Cơ quan phối hợp thực hiện
14	Cơ sở giáo dục trung học cơ sở có tổ chức câu lạc bộ khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo hoạt động thường xuyên	%	100	Phòng Văn hóa - Xã hội	Sở Giáo dục và Đào tạo; Các trường học trên địa bàn xã

PHỤ LỤC II: CÁC CHỈ TIÊU THEO DÕI ĐÁNH GIÁ THEO GIAI ĐOẠN 05 NĂM

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2025	Năm 2030	Năm 2035	Năm 2040	Năm 2045	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm đầu ra
I	Phát triển Hạ tầng								
1	Tỷ lệ phủ sóng 5G trên địa bàn xã	≥60%	100%	100%	100%	100%	Phòng Văn hóa - Xã hội	Sở Khoa học và Công nghệ, các đơn vị liên quan	Báo cáo số liệu
2	Tỷ lệ người sử dụng có khả năng truy cập băng rộng cố định với tốc độ trên 01 Gbps	≥60%	100%	100%	100%	100%	Phòng Văn hóa - Xã hội	Sở Khoa học và Công nghệ, các đơn vị liên quan	Báo cáo số liệu
3	Tỉ lệ phủ sóng 6G trên địa bàn	-	-	50%	80%	100%	Phòng Văn hóa - Xã hội	Sở Khoa học và Công nghệ, các đơn vị liên quan	Báo cáo số liệu
II	Phát triển nguồn lực								
4	Tỉ lệ chi cho khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong tổng chi ngân sách xã	phần đầu ít nhất 3%	phần đầu ít nhất 3%	Đạt 3%	Đạt trên 3%	Đạt trên 3%	Phòng Kinh tế	Các đơn vị liên quan	Báo cáo số liệu
5	Tỷ lệ cán bộ, công chức xã được bồi dưỡng kỹ năng số căn bản.	80%	100%	100%	100%	100%	Phòng Văn hóa - Xã hội	Các đơn vị liên quan	Báo cáo số liệu
6	Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức làm chủ kỹ năng số, ứng dụng công nghệ trong quản lý, điều hành	80%	100%	100%	100%	100%	Phòng Văn hóa - Xã hội	Các đơn vị liên quan	Báo cáo số liệu
7	Tỷ lệ dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong y tế, giáo dục, bảo hiểm, giao thông.	80%	90%	95%	97%	100%	Phòng Văn hóa - Xã hội	Các đơn vị liên quan	Báo cáo số liệu

8	Tỷ lệ dân số trưởng thành thường xuyên sử dụng dịch vụ số (chăm sóc sức khỏe từ xa, học trực tuyến nâng cao, giao dịch tài chính số...	-	-	-	80-90%	$\geq 90\%$	Phòng Văn hóa - Xã hội	Các đơn vị liên quan	Báo cáo số liệu
9	Tỷ lệ cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên đánh giá mức độ CDS đạt mức 2 trở lên	$\geq 75\%$	$\geq 95\%$	100%	100%	-	Phòng Văn hóa - Xã hội	Sở Giáo dục và Đào tạo; đơn vị liên quan.	Báo cáo số liệu
10	Tỷ lệ các cơ sở giáo dục mầm non và các cơ quan quản lý giáo dục đánh giá mức độ CDS đạt mức 2 trở lên	$\geq 70\%$	$\geq 90\%$	$\geq 95\%$	100%	-	Phòng Văn hóa - Xã hội	Sở Giáo dục và Đào tạo; đơn vị liên quan.	Báo cáo số liệu
11	Tỷ lệ Cơ sở giáo dục triển khai ký số trên các hệ thống sổ sách, sổ điểm, học bạ số	$\geq 90\%$	100%	-	-	-	Phòng Văn hóa - Xã hội	Sở Giáo dục và Đào tạo; đơn vị liên quan.	Báo cáo số liệu
12	Tỷ lệ Cơ sở giáo dục phổ thông triển khai phương thức giáo dục tích hợp Khoa học, Kỹ thuật, Công nghệ, Toán học (STEM) và nghiên cứu khoa học.	$\geq 80\%$	-	-	-	-	Phòng Văn hóa - Xã hội	Sở Giáo dục và Đào tạo; đơn vị liên quan.	Báo cáo số liệu
13	Tỷ lệ cơ sở giáo dục phổ thông, thường xuyên triển khai các chương trình giảng dạy về kỹ năng số cho học sinh (học viên) phù hợp với quy định của Bộ GDĐT quy định tại thông tư số 02/2025/TT-BGDĐT ngày 24/01/2025 về Khung năng lực số cho người học	-	100%	-	-	-	Phòng Văn hóa - Xã hội	Sở Giáo dục và Đào tạo; đơn vị liên quan.	Báo cáo số liệu

14	Tỷ lệ Các cơ sở giáo dục phổ thông thực hiện lồng ghép, tích hợp giáo dục khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo vào các môn học và hoạt động giáo dục	-	$\geq 95\%$	-	100%	-	Phòng Văn hóa - Xã hội	Sở Giáo dục và Đào tạo; đơn vị liên quan.	Báo cáo số liệu
15	Tỷ lệ Cơ sở giáo dục trung học, Cơ sở giáo dục nghề nghiệp và đại học có tổ chức câu lạc bộ khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo hoạt động thường xuyên.	-	$\geq 85\%$	$\geq 95\%$	100%	-	Phòng Văn hóa - Xã hội	Sở Giáo dục và Đào tạo; đơn vị liên quan.	Báo cáo số liệu
16	Tỷ lệ Cơ sở giáo dục phổ thông triển khai phương thức giáo dục tích hợp Khoa học, Kỹ thuật, Công nghệ, Toán học (STEM) và nghiên cứu khoa học.	-	100%	-	-	-	Phòng Văn hóa - Xã hội	Sở Giáo dục và Đào tạo; đơn vị liên quan.	Báo cáo số liệu
III	Phát triển chuyển đổi số								
17	Tỷ lệ thủ tục hành chính được tiếp nhận, giải quyết phi địa giới hành chính giữa trung ương và địa phương, giữa các cấp chính quyền.	$\geq 70\%$	100%	100%	100%	100%	Trung tâm phục vụ hành chính công	Các đơn vị liên quan	Báo cáo số liệu
18	Tỷ lệ thủ tục hành chính liên quan đến đào tạo, nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh phải được thực hiện trực tuyến.	100%	100%	100%	100%	100%	Trung tâm phục vụ hành chính công	Các đơn vị liên quan	Báo cáo số liệu
19	Tỷ lệ giao dịch hành chính thuộc diện “phi tiếp xúc”.	$\geq 70\%$	100%	100%	100%	100%	Trung tâm phục vụ hành chính công	Các đơn vị liên quan	Báo cáo số liệu
20	Tỷ lệ hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa.	$\geq 80\%$	100%	100%	100%	100%	Trung tâm phục vụ hành chính công	Các đơn vị liên quan	Báo cáo số liệu

21	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện.	100%	100%	100%	100%	100%	Trung tâm phục vụ hành chính công	Các đơn vị liên quan	Báo cáo số liệu
22	Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến.	$\geq 70\%$	$\geq 85\%$	$\geq 95\%$	100%	100%	Trung tâm phục vụ hành chính công	Các đơn vị liên quan	Báo cáo số liệu
23	Tỷ lệ hệ thống thông tin của xã vận hành trên nền tảng điện toán đám mây.	$\geq 40\%$	$\geq 70\%$	$\geq 90\%$	100%	100%	Phòng Văn hóa - Xã hội	Sở Khoa học - Công nghệ; Đơn vị liên quan	Báo cáo số liệu
24	Tỷ lệ cơ sở dữ liệu của xã được số hóa & liên thông tới Thành phố, Trung ương.	$\geq 50\%$	80%	100%	100%	100%	Phòng Văn hóa - Xã hội	Sở Khoa học - Công nghệ; Đơn vị liên quan	Báo cáo số liệu
25	Tỷ lệ dữ liệu của xã được tích hợp với nền tảng chia sẻ LGSP.	$\geq 60\%$	85%	100%	100%	100%	Phòng Văn hóa - Xã hội	Sở Khoa học - Công nghệ; Đơn vị liên quan	Báo cáo số liệu
26	Tỷ lệ doanh nghiệp vừa và nhỏ địa phương ứng dụng công nghệ số	$\geq 30\%$	60%	$\geq 85\%$	$\geq 95\%$	100%	Phòng Kinh tế	Sở Khoa học - Công nghệ; Đơn vị liên quan	Báo cáo số liệu
27	Tỷ lệ người dân có chữ ký số	-	10%	20%	30%	40%	Công an xã	Các đơn vị liên quan	Báo cáo số liệu
28	Tỷ lệ người dân có tài khoản định danh điện tử (VNeID)	$\geq 70\%$	85%	$\geq 95\%$	100%	100%	Công an xã	Các đơn vị liên quan	Báo cáo số liệu
29	Tỷ lệ các cơ quan thuộc đảng ủy, UBND xã sử dụng phần mềm quản trị điều hành thống nhất.	$\geq 60\%$	90%	100%	100%	100%	Phòng Văn hóa - Xã hội	Các đơn vị liên quan	Báo cáo số liệu

**PHỤ LỤC 3: PHÂN CÔNG CÁC NHIỆM VỤ CHUNG
THEO NHIỆM VỤ TẠI NGHỊ QUYẾT SỐ 57-NQ/TW VÀ NGHỊ QUYẾT SỐ 71/NQ-CP**

TT	Tên nhiệm vụ (Nghị quyết 57-NQ/TW ngày 22/12/2024)	Nhiệm vụ tương ứng (Nghị quyết 71 và các Thông báo kết luận Phiên họp BCĐTW)	Stt nhiệm vụ trong NQ 71	Đơn vị chủ trì, theo dõi đánh giá	Kết quả cần đạt	Thời gian hoàn thành
I	NÂNG CAO NHẬN THỨC, ĐỘT PHÁ VỀ ĐỔI MỚI TƯ DUY, XÁC ĐỊNH QUYẾT TÂM CHÍNH TRỊ MẠNH MẼ, QUYẾT LIỆT LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO, TẠO XUNG LỰC MỚI, KHÍ THỂ MỚI TRONG TOÀN XÃ HỘI VỀ PHÁT TRIỂN KHCN, ĐMST VÀ CDS QUỐC GIA					
1-3.	Nhiệm vụ CDS, phát triển KHCN, ĐMST được xác định cụ thể trong chương trình, kế hoạch công tác hàng năm của cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương; kết quả thực hiện là tiêu chí đánh giá hiệu quả thực hiện nhiệm vụ, đánh giá thi đua, khen thưởng hàng năm.	Xây dựng chương trình chuyên biệt về KHCN, ĐMST và CDS trên đài phát thanh và mạng xã hội	2	Trung tâm VHTTTT	Chương trình	Thường xuyên
		Cụ thể hóa nhiệm vụ CDS, phát triển KHCN, ĐMST trong chương trình, kế hoạch công tác hàng năm của cơ quan, tổ chức, đơn vị	6	Phòng Văn hóa – Xã hội	Kế hoạch công tác	Thường xuyên
		Hoàn thành xây dựng, cập nhật điều chỉnh kế hoạch triển khai Chương trình hành động của Chính phủ	7	Phòng Văn hóa – Xã hội	Kế hoạch	Thường xuyên

4.	Bố trí phù hợp số lượng cán bộ có trình độ chuyên môn khoa học kỹ thuật trong cấp ủy các cấp.	Phần đầu bố trí tỷ lệ phù hợp cán bộ có chuyên môn, kinh nghiệm về khoa học kỹ thuật trong đội ngũ lãnh đạo từng cơ quan, đơn vị nhà nước.	9	Phòng Văn hóa – Xã hội	Báo cáo có tỷ lệ cụ thể	Thường xuyên
----	---	--	---	------------------------	-------------------------	--------------

TT	Tên nhiệm vụ (Nghị quyết 57-NQ/TW ngày 22/12/2024)	Nhiệm vụ tương ứng (Nghị quyết 71 và các Thông báo kết luận Phiên họp BCĐTW)	Stt nhiệm vụ trong NQ 71	Đơn vị chủ trì, theo dõi đánh giá	Kết quả cần đạt	Thời gian hoàn thành
5-6.	Triển khai sâu rộng phong trào "học tập số", phổ cập, nâng cao kiến thức KHCN, kiến thức số trong cán bộ, công chức và Nhân dân	Xây dựng chương trình, kế hoạch phát động phong trào học tập trên các nền tảng số để trở thành phong trào “học tập số” thường xuyên, liên tục, phổ cập, nâng cao kiến thức về KHCN, ĐMST, kỹ năng số, công nghệ số cơ bản trong cán bộ, công chức và Nhân dân.	3	Phòng Văn hóa – Xã hội	Kế hoạch, văn bản	Thường xuyên
		Xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện chương trình đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ, công chức, viên chức về kiến thức về KHCN, ĐMST và CDS.	12	Phòng Văn hóa – Xã hội	Kế hoạch, văn bản	Tháng 9/2025
II	KHẨN TRƯỞNG QUYẾT LIỆT HOÀN THIỆN THỂ CHẾ, XÓA BỎ MỌI TƯ TƯỞNG, QUAN NIỆM, RÀO CẢN ĐANG CẢN TRỞ SỰ PHÁT TRIỂN, ĐƯA THỂ CHẾ THÀNH MỘT LỢI THỂ CẠNH TRANH TRONG PHÁT TRIỂN KHCN, ĐMST VÀ CDS					

7-8.	Khẩn trương sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện đồng bộ các quy định pháp luật... đơn giản hoá tối đa các thủ tục hành chính	Hoàn thành số hóa quy trình nghiệp vụ nội bộ, hồ sơ tài liệu, kết quả giải quyết thủ tục hành chính trong các lĩnh vực liên quan đến người dân, doanh nghiệp, hoạt động công vụ; tái sử dụng 100% dữ liệu đã số hóa để cắt giảm tối đa thủ tục hành chính và chi phí tuân thủ cho người dân, doanh nghiệp	48	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Hoàn thành số hóa	Thường xuyên
------	---	---	----	-------------------------------	-------------------	--------------

TT	Tên nhiệm vụ (Nghị quyết 57-NQ/TW ngày 22/12/2024)	Nhiệm vụ tương ứng (Nghị quyết 71 và các Thông báo kết luận Phiên họp BCĐTW)	Stt nhiệm vụ trong NQ 71	Đơn vị chủ trì, theo dõi đánh giá	Kết quả cần đạt	Thời gian hoàn thành
		Đẩy mạnh tái cấu trúc quy trình, cắt giảm, đơn giản hóa tối đa thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến, nhất là các thủ tục liên quan đến cư trú, hộ tịch, giấy phép lái xe, đất đai, doanh nghiệp, triển khai tiếp cận, giải quyết thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi thành phố	49	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Thủ tục hành chính được tái cấu trúc, đơn giản hóa quy trình	Thường xuyên
III	TĂNG CƯỜNG ĐẦU TƯ, HOÀN THIỆN HẠ TẦNG CHO KHCN, ĐMST VÀ CDS QUỐC GIA					
9.	Ban hành Chương trình phát triển công nghệ và công nghiệp chiến lược	Xây dựng và triển khai các Đề án đô thị thông minh	80	Phòng Tài chính	Đề án được ban hành và triển khai	Tháng 6/2028

10.	Đẩy mạnh ứng dụng và phát triển công nghệ số	Hoàn thành và đưa vào khai thác hiệu quả các cơ sở dữ liệu quốc gia; các cơ sở dữ liệu dùng chung theo danh mục đã ban hành của bộ, ngành, địa phương để phát triển kinh tế - xã hội	90	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Hoàn thành các CSDL	Tháng 6/2026
11.	Xây dựng và dùng chung các nền tảng số quốc gia, vùng, bảo đảm hoạt động thống nhất, liên thông của các ngành, lĩnh vực trên môi trường số.	Triển khai các nền tảng số quốc gia, nền tảng số dùng chung của ngành, lĩnh vực, vùng theo danh mục đã được ban hành bảo đảm hoạt động thống nhất, liên thông của các ngành, lĩnh vực trên môi trường số	74	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Hoàn thành các nền tảng số đảm bảo kết nối liên thông	Tháng 12/2025

TT	Tên nhiệm vụ (Nghị quyết 57-NQ/TW ngày 22/12/2024)	Nhiệm vụ tương ứng (Nghị quyết 71 và các Thông báo kết luận Phiên họp BCĐTW)	Stt nhiệm vụ trong NQ 71	Đơn vị chủ trì, theo dõi đánh giá	Kết quả cần đạt	Thời gian hoàn thành
12.	Sớm hoàn thành và phát huy hiệu quả Trung tâm dữ liệu quốc gia; đầu tư xây dựng các trung tâm dữ liệu vùng	Nâng cấp, hoàn thiện hạ tầng công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu tại văn bản số 1552/BTTTT-TTH và 708/BTTTT-CATTT; hoàn thành kết nối giữa Hệ thống thông tin giải quyết TTHC cấp bộ, cấp tỉnh với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư phục vụ giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công theo Nghị định số 107/2021/NĐ-CP của Chính phủ	92	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Khắc phục lỗ hổng bảo mật...	Thường xuyên

13.	Xây dựng, phát huy hiệu quả dữ liệu quốc gia, dữ liệu của bộ, ngành, địa phương bảo đảm liên thông, tích hợp, chia sẻ.	Hoàn thành kết nối, khai thác, chia sẻ hiệu quả dữ liệu, triển khai các sáng kiến mở dữ liệu	91	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Hoàn thành kết nối	Tháng 9/2026
14.	Phát triển mạnh mẽ ứng dụng trí tuệ nhân tạo dựa trên dữ liệu lớn đối với các ngành, lĩnh vực quan trọng	Tổ chức ứng dụng trí tuệ nhân tạo dựa trên dữ liệu lớn trong các ngành, lĩnh vực quan trọng	71	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Báo cáo	Thường xuyên
TT	Tên nhiệm vụ (Nghị quyết 57-NQ/TW ngày 22/12/2024)	Nhiệm vụ tương ứng (Nghị quyết 71 và các Thông báo kết luận Phiên họp BCĐTW)	Stt nhiệm vụ trong NQ 71	Đơn vị chủ trì, theo dõi đánh giá	Kết quả cần đạt	Thời gian hoàn thành
V	ĐẨY MẠNH CDS, ỨNG DỤNG KHCN, ĐMST TRONG HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC CƠ QUAN TRONG HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ; NÂNG CAO HIỆU QUẢ QUẢN TRỊ QUỐC GIA, HIỆU LỰC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC TRÊN CÁC LĨNH VỰC, BẢO ĐẢM QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH					
15.		Tập trung số hóa dữ liệu, khai thác ứng dụng cắt giảm thủ tục hành chính - không phụ thuộc các ngành, trọng tâm là lĩnh vực tư pháp, giáo dục, y tế, đất đai	154	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Dữ liệu các lĩnh vực tư pháp, giáo dục, y tế, đất đai được tạo lập, số hóa	Năm 2025 và những năm tiếp theo
VI	THÚC ĐẨY MẠNH MỀ HOẠT ĐỘNG KHCN, ĐMST VÀ CDS TRONG DOANH NGHIỆP					

16.	Cơ chế ưu đãi về đất đai, tín dụng, thuế trong nghiên cứu, thử nghiệm, ứng dụng, phát triển, sản xuất sản phẩm, dịch vụ công nghệ số. Phát triển một số khu công nghiệp công nghệ số	Triển khai một số khu công nghiệp công nghệ số/khu công nghiệp công nghệ thông tin tập trung theo Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050	173	Phòng Kinh tế	Các KCN công nghệ số/khu công nghệ thông tin tập trung được triển khai	Tháng 6/2028
17.	Đẩy mạnh tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ trên môi trường số, bảo đảm kinh tế số các ngành, lĩnh vực chiếm tối thiểu 70% kinh tế số; đẩy mạnh sản xuất thông minh trong các ngành, lĩnh vực: Nông nghiệp, thương mại, tài chính, giáo dục, y tế, giao thông, logistics.	Xây dựng chương trình thúc đẩy tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ trên môi trường số bao gồm đưa sản phẩm lên môi trường số; trang bị kỹ năng số cho người dân, cung cấp các tiện ích để người dân giao dịch trên môi trường số, tạo lập niềm tin số.	176	Phòng Kinh tế	Quyết định phê duyệt Chương trình được ban hành	Tháng 12/2025

PHỤ LỤC 4: PHÂN CÔNG CÁC NHIỆM VỤ KHÁC THỰC HIỆN TẠI ĐỊA PHƯƠNG

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm đầu ra	Thời gian thực hiện/hoàn thành
I	Nâng cao nhận thức, đổi mới tư duy, xác định quyết tâm chính trị mạnh mẽ, quyết liệt lãnh đạo, chỉ đạo, tạo xung lực mới, khí thế mới trong toàn thành phố về phát triển KHCN, ĐMST và CDS				
1.	Tổ chức tuyên truyền về Nghị quyết số 57- NQ/TW, về KHCN, ĐMST và CDS với hình thức tuyên truyền đa dạng, phong phú (hội nghị, hội thảo, tọa đàm, tài liệu, video, cuộc thi...) để nâng cao nhận thức, quyết tâm, phát triển KHCN, ĐMST, CDS trong cả hệ thống chính trị, người dân và doanh nghiệp, tạo niềm tin, khí thế mới trong xã hội.	Phòng Văn hóa – Xã hội	Các phòng, ban, đơn vị liên quan	Kế hoạch	Hàng năm
2.	Tham mưu phát động phong trào thi đua để phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, sự tham gia tích cực của cộng đồng doanh nghiệp, doanh nhân và Nhân dân trên địa bàn thực hiện thắng lợi Nghị quyết số 57- NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ	Phòng Văn hóa – Xã hội	Các phòng, ban, đơn vị liên quan	Kế hoạch	9/2025
3.	Xây dựng các biện pháp tăng cường quản lý, giáo dục chính trị tư tưởng đối với học sinh, sinh viên trên môi trường mạng góp phần xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao	Phòng Văn hóa – Xã hội	Các phòng, ban, đơn vị liên quan	Kế hoạch	Hàng năm

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm đầu ra	Thời gian thực hiện/hoàn thành
4.	Nghiên cứu đề xuất ban hành quy tắc ứng xử trên môi trường số cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động.	Phòng Văn hóa – Xã hội	Các phòng, ban, đơn vị liên quan	Văn bản	12/2025
II	Khẩn trương, quyết liệt hoàn thiện thể chế; xóa bỏ quan niệm, rào cản đang cản trở sự phát triển; đưa thể chế thành một lợi thế cạnh tranh trong phát triển KHCN, ĐMST và CDS				
1.	Tiếp tục triển khai nghiên cứu, có giải pháp ứng dụng công nghệ thông tin, CDS phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, thông tin, báo cáo và phối hợp giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị sau khi sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, cấp xã; bảo đảm thông suốt, hiệu quả, kịp thời.	Phòng Văn hóa – Xã hội	Các phòng, ban, đơn vị liên quan	Kế hoạch/ Báo cáo	2025-2026
2.	Rà soát các quy định của pháp luật liên quan về KHCN, ĐMST và CDS thành phố đề xuất, kiến nghị sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới theo thẩm quyền.	Văn phòng HĐND&UBND	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Kế hoạch/ Báo cáo	Hàng năm
3.	Triển khai thực hiện cơ chế chính sách đặc thù về KHCN, ĐMST và CDS theo Nghị quyết số 226/2025/QH15 về thí điểm một số cơ chế chính sách đặc thù phát triển thành phố Hải Phòng	Phòng Văn hóa – Xã hội	Các phòng, ban, đơn vị liên quan	Báo cáo	Hàng năm
4.	Xây dựng quy hoạch/ chiến lược/kế hoạch để phát triển KHCN, ĐMST và CDS của địa phương giai đoạn 2026-2030 và các giai đoạn tiếp theo.	Phòng Văn hóa – Xã hội	Các phòng, ban, đơn vị liên quan	Kế hoạch	2025 - 2030

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm đầu ra	Thời gian thực hiện/hoàn thành
5.	Nghiên cứu đề xuất xây dựng/tổ chức thực hiện chiến lược phát triển hạ tầng số, ứng dụng, dịch vụ số.	Phòng Văn hóa – Xã hội	Các phòng, ban, đơn vị liên quan	Chương trình/ Kế hoạch/ Báo cáo	12/2027
6.	Nghiên cứu đề xuất xây dựng/tổ chức thực hiện chiến lược CDS, kinh tế số.	Phòng Văn hóa – Xã hội	Các phòng, ban, đơn vị liên quan	Chương trình/ Kế hoạch/ Báo cáo	12/2027
7.	Xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai	Phòng Kinh tế	Các phòng, ban, đơn vị liên quan	CSDL	Theo Dự án được thành phố phê duyệt
III	Tăng cường đầu tư, hoàn thiện hạ tầng cho KHCN, ĐMST và CDS				
1.	Cân đối ngân sách của địa phương dành cho hoạt động KHCN, ĐMST và CDS phù hợp với khả năng của ngân sách, phân đầu bố trí ít nhất 3% tổng chi ngân sách hằng năm.	Phòng Kinh Tế	Các phòng, ban, đơn vị liên quan	Báo cáo	Hàng năm
2.	Phối hợp triển khai cấp chứng thư số đến 100% cán bộ, công chức.	Phòng Văn hóa – Xã hội	Các phòng, ban, đơn vị liên quan	Báo cáo hoàn thành triển khai 100%	11/2026
3.	Nghiên cứu đề xuất đầu tư xây dựng Trung tâm thu thập thông tin camera giám sát và chia sẻ, kết nối với các Sở, ngành phục vụ công tác quản lý nhà nước về trật tự an toàn xã hội.	Công an xã	Các phòng, ban, đơn vị liên quan	Báo cáo	2025-2027

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm đầu ra	Thời gian thực hiện/hoàn thành
4.	Nghiên cứu, đề xuất các giải pháp phát triển lĩnh vực công nghiệp văn hóa, công nghiệp văn hóa số, xây dựng sản phẩm du lịch số, hệ sinh thái du lịch thông minh.	Phòng Văn hóa – Xã hội	Các phòng, ban, đơn vị liên quan	Báo cáo	Hàng năm
5.	Xây dựng các dự án đầu tư công về phát triển KHCN, ĐMST và CDS trong giai đoạn 2026 – 2030 và các giai đoạn tiếp theo.	Phòng Văn hóa – Xã hội	Các phòng, ban, đơn vị liên quan	Báo cáo/ Dự án đầu tư	2026-2030
6.	Ưu tiên đầu tư nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin và thúc đẩy CDS, phát triển hệ sinh thái ĐMST tại các cơ sở giáo dục và đào tạo nhằm xây dựng nền tảng vững chắc cho cho nhiệm vụ đào tạo nguồn nhân lực số.	Phòng Văn hóa – Xã hội	Các phòng, ban, đơn vị liên quan	Báo cáo/ Kế hoạch, dự án đầu tư	Hàng năm
7.	Chuẩn hóa CSDL quản lý tài sản công để đồng bộ với CSDL Quốc gia về quản lý tài sản công	Phòng Kinh tế	Các phòng, ban, đơn vị liên quan	Chuẩn hóa, đồng bộ CSDL	2026
8.	Tham gia hội thảo, hội nghị, cuộc thi về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, các sự kiện khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, chú trọng các lĩnh vực công nghệ chiến lược; trí tuệ nhân tạo; công nghiệp bán dẫn; dữ liệu và chuyển đổi số quốc gia...	Phòng Văn hóa – Xã hội	Các phòng, ban, đơn vị liên quan	Các hội thảo, hội nghị, hội thi, sự kiện	Hàng năm

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm đầu ra	Thời gian thực hiện/hoàn thành
9.	Xây dựng, triển khai Kế hoạch chuyển đổi số trong hoạt động xây dựng, quản lý, khai thác kết cấu hạ tầng giao thông theo quy định	Phòng Kinh tế	Các phòng, ban, đơn vị liên quan	Kế hoạch	2026
10.	Tham mưu triển khai các ứng dụng sản phẩm, dịch vụ dữ liệu, bảo đảm an ninh dữ liệu, bảo vệ dữ liệu cá nhân	Công an xã	Các phòng, ban, đơn vị liên quan	Ứng dụng sản phẩm đảm bảo ANAT	12/2025
11.	Tham mưu triển khai ứng dụng các giải pháp tăng cường an ninh dữ liệu. Khuyến khích phát triển các sản phẩm bảo mật, an ninh dữ liệu	Công an xã	Các phòng, ban, đơn vị liên quan	Ứng dụng sản phẩm	Thường xuyên
12.	Triển khai các giải pháp mã hóa, bảo mật thông tin, dữ liệu trong lĩnh vực quốc phòng trên địa bàn	Ban Chỉ huy Quân sự xã	Các phòng, ban, đơn vị liên quan	Báo cáo	Thường xuyên
IV	Phát triển, trọng dụng nhân lực chất lượng cao, nhân tài đáp ứng yêu cầu phát triển KHCN, ĐMST và CDS				
1.	Tổ chức thực hiện Nghị quyết về cơ chế, chính sách thu hút, trọng dụng nhân tài.	Phòng Văn hóa – Xã hội	Các phòng, ban, đơn vị liên quan	Báo cáo	12/2025
2.	Thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 14-NQ/TU ngày 13/5/2024 của Ban Thường vụ Thành ủy về đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn thành phố Hải Phòng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.	Phòng Văn hóa – Xã hội	Các phòng, ban, đơn vị liên quan	Báo cáo	Hàng năm

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm đầu ra	Thời gian thực hiện/hoàn thành
3.	Tăng cường hợp tác với các doanh nghiệp công nghệ, các viện nghiên cứu để đưa chương trình thực tế vào giảng dạy.	Phòng Văn hóa – Xã hội	Các phòng, ban, đơn vị liên quan	Báo cáo	Hàng năm
4.	Đào tạo kỹ năng số cho người dân thông qua Tổ công nghệ số cộng đồng.	Phòng Văn hóa – Xã hội	Các phòng, ban, đơn vị liên quan	Báo cáo	Hàng năm
5.	Thực hiện đồng bộ các giải pháp tăng cường giáo dục và hướng nghiệp STEM, thu hút học sinh giỏi theo học các ngành STEM; xây dựng và triển khai các chính sách phát hiện và bồi dưỡng tài năng STEM từ sớm, quy hoạch và đầu tư nâng cấp trường chuyên, trường năng khiếu về khoa học tự nhiên	Phòng Văn hóa – Xã hội	Các phòng, ban, đơn vị liên quan	Kế hoạch/ Báo cáo	12/2025
V	Đẩy mạnh CDS, ứng dụng KHCN, ĐMST trong hoạt động của các cơ quan trong hệ thống chính trị; nâng cao hiệu quả quản trị, hiệu lực quản lý nhà nước trên các lĩnh vực, bảo đảm quốc phòng và an ninh				
1.	Ứng dụng hệ thống cơ sở dữ liệu phục vụ quản lý, giám sát và ra quyết định trong các lĩnh vực.	Phòng Văn hóa – Xã hội	Các phòng, ban, đơn vị liên quan	Cơ sở dữ liệu	Hàng năm
2.	Ứng dụng công nghệ thông minh trong quản lý hạ tầng.	Phòng Kinh tế	Các phòng, ban, đơn vị liên quan	Báo cáo	Hàng năm

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm đầu ra	Thời gian thực hiện/hoàn thành
3.	Sử dụng hiệu quả phần mềm Quản lý người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam.	Phòng Văn hóa – Xã hội	Các phòng, ban, đơn vị liên quan	Phần mềm	12/2026
4.	Thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ “Xây dựng cơ sở dữ liệu thông tin công chứng”.	Văn phòng HĐND&UBND xã	Các phòng, ban, đơn vị liên quan	Phần mềm công chứng và lưu trữ tài liệu số hóa, CSDL công chứng	12/2025
5.	Triển khai nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin trong các cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội.	Phòng Văn hóa – Xã hội	Các phòng, ban, đơn vị liên quan	Báo cáo Hạ tầng công nghệ thông tin	Hàng năm
6.	Thiết lập hạ tầng viễn thông di động mặt đất công nghệ 5G.	Phòng Văn hóa – Xã hội	Các phòng, ban, đơn vị liên quan	Báo cáo Hạ tầng viễn thông	Hàng năm
7.	Đẩy mạnh ứng dụng các giải pháp về CDS, mã số mã vạch, truy xuất nguồn gốc để tăng cường công tác quản lý nhà nước về năng suất, chất lượng sản phẩm, hàng hoá, tạo môi trường sản xuất kinh doanh minh bạch, nâng cao năng lực cạnh tranh, thúc đẩy phát triển thương mại, thị trường xuất, nhập khẩu.	Phòng Văn hóa – Xã hội	Các phòng, ban, đơn vị liên quan	Báo cáo	Hàng năm
8.	Bảo đảm an toàn, an ninh mạng trên nền tảng số và không gian mạng.	Công an xã	Các phòng, ban, đơn vị liên quan	Báo cáo	Hàng năm
9.	Tăng cường hỗ trợ các hoạt động khởi nghiệp ĐMST trong các cơ sở giáo dục và đào tạo.	Phòng Văn hóa – Xã hội	Các phòng, ban, đơn vị liên quan	Báo cáo	Hàng năm

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm đầu ra	Thời gian thực hiện/hoàn thành
10.	Tăng cường áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hệ thống quản lý, công cụ cải tiến năng suất chất lượng, công cụ hỗ trợ cho sản xuất thông minh, dịch vụ thông minh.	Phòng Văn hóa – Xã hội	Các phòng, ban, đơn vị liên quan	Báo cáo	Hàng năm
11.	Tăng cường Ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục và đào tạo:				
	- Xây dựng và triển khai hệ thống quản lý tập trung, kết nối dữ liệu giáo dục từ các cơ sở giáo dục và đào tạo tới Sở; ứng dụng AI, dữ liệu lớn (Big Data) trong phân tích, dự báo và ra quyết định quản lý.	Phòng Văn hóa – Xã hội	Các phòng, ban, đơn vị liên quan	Báo cáo/ Hệ thống dữ liệu	Hàng năm
	- Triển khai số hóa toàn bộ hoạt động của đơn vị gồm: công tác hành chính, tài chính, nhân sự, cơ sở vật chất, quản lý hoạt động chuyên môn trên nền tảng số thống nhất.	Phòng Văn hóa – Xã hội	Các phòng, ban, ngành, đơn vị liên quan	Báo cáo/ Dữ liệu số hóa	Hàng năm
	- CDS trong Dạy học thông minh: xây dựng và triển khai nền tảng học tập số hỗ trợ học trực tuyến, học kết hợp được cá nhân hóa. Ứng dụng công nghệ thực tế ảo (VR), AI trong quá trình dạy và học.	Phòng Văn hóa – Xã hội	Các phòng, ban, đơn vị liên quan	Báo cáo	Hàng năm
	- Phát triển nhân lực số trong giáo dục và đào tạo: triển khai các chương trình bồi dưỡng kỹ năng số, tư duy ĐMST và khả năng ứng dụng công nghệ, đặc biệt là AI cho giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục và học sinh (học viên, sinh viên), nhằm nâng cao năng lực thích ứng và chủ động trong CDS toàn diện.	Phòng Văn hóa – Xã hội	Các phòng, ban, đơn vị liên quan	Báo cáo	Hàng năm

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm đầu ra	Thời gian thực hiện/hoàn thành
12.	Đẩy mạnh ứng dụng khoa học và công nghệ, chuyển đổi số trong lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch	Phòng Văn hóa – Xã hội	Các phòng, ban, đơn vị liên quan	Đề án, dự án, chương trình, kế hoạch, báo cáo	Hàng năm
13.	Tăng cường giám sát trên không gian mạng để kịp thời phát hiện, cảnh báo sớm các nguy cơ mất an toàn, an ninh mạng cho các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và người dân	Công an xã	Các phòng, ban, đơn vị liên quan	Văn bản báo cáo triển khai	Thường xuyên
14.	Phát hiện, đấu tranh ngăn chặn sớm hoạt động tấn công mạng, gián điệp mạng, âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, phản động trên mạng và tội phạm mạng	Công an xã	Các phòng, ban, đơn vị liên quan	Văn bản báo cáo triển khai	Thường xuyên
15.	Triển khai các biện pháp, nền tảng số để ngăn chặn, đấu tranh hiệu quả đối với tội phạm lĩnh vực chuyển đổi số, tội phạm lợi dụng không gian mạng. Chú trọng xây dựng, củng cố các lực lượng nòng cốt về an toàn, an ninh mạng	Công an xã	Các phòng, ban, đơn vị liên quan	Văn bản báo cáo triển khai	Thường xuyên
16.	Tăng cường ứng dụng công nghệ số, công nghệ quốc phòng mới trong các hệ thống chỉ huy, điều hành, quản lý lực lượng vũ trang, góp phần thực hiện chính quy hóa, hiện đại hóa quốc phòng, an ninh; chủ động phòng ngừa từ sớm, từ xa chiến tranh mạng và chiến tranh điện tử; xây dựng, phát huy sức mạnh thế trận chiến tranh nhân dân, thế trận lòng dân trên không gian mạng để bảo vệ Tổ quốc	Ban Chỉ huy Quân sự xã	Các phòng, ban, đơn vị liên quan	Văn bản báo cáo triển khai	Thường xuyên

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm đầu ra	Thời gian thực hiện/hoàn thành
17.	Xây dựng văn hóa cộng đồng, giữ gìn bản sắc dân tộc, thuần phong mỹ tục trên môi trường số, trên không gian mạng.	Phòng Văn hóa – Xã hội	Các phòng, ban, đơn vị liên quan	Có văn bản báo cáo	Hàng năm
18.	Tăng cường công tác truyền thông về Bộ tiêu chí văn hóa số của người Hải Phòng văn minh, lịch sự trên môi trường số nhằm lan tỏa rộng rãi đến nhân dân thành phố, qua đó đưa bộ tiêu chí vào thực tiễn đời sống một cách thiết thực.	Trung tâm Văn hóa TTTT	Các phòng, ban, đơn vị liên quan	Có văn bản báo cáo	Hàng năm
19.	Triển khai nền tảng Hỗ trợ tư vấn khám, chữa bệnh từ xa	Phòng Văn hóa – Xã hội	Các phòng, ban, đơn vị liên quan	Nền tảng	6/2026
20.	Phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với chế biến, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trọng tâm của địa phương và liên kết chuỗi giá trị sản phẩm trên địa bàn	Phòng Kinh tế	Các phòng, ban, đơn vị có liên quan	Chương trình	2026
VI	Thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động KHCN, ĐMST và CDS trong doanh nghiệp				
1.	Xây dựng Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp ứng dụng công nghệ, thực hiện CDS, khởi nghiệp ĐMST giai đoạn 2026 - 2030	Phòng Văn hóa – Xã hội	Các phòng, ban, đơn vị liên quan	Chương trình	11/2026
2.	Triển khai hướng dẫn, thúc đẩy doanh nghiệp cung cấp dịch vụ thương mại điện tử để nghiên cứu sử dụng định danh và xác thực điện tử trong các giao dịch thương mại điện tử.	Phòng Kinh tế	Các phòng, ban, đơn vị có liên quan	Hướng dẫn	Hàng năm

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm đầu ra	Thời gian thực hiện/hoàn thành
3.	Thúc đẩy mạnh mẽ, giải pháp kích thích kinh tế số trong nông nghiệp và phát triển nông thôn; đưa thương mại điện tử, chữ ký số vào hoạt động mua, bán nông sản, sản phẩm OCOP, sản phẩm thể mạnh của địa phương.	Phòng Kinh tế	Các phòng, ban, đơn vị có liên quan	Báo cáo	Hàng năm